

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2020/HNGĐ – ST

Ngày: 30 tháng 9 năm 2020

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Đức Trường và ông Hoàng Bá Thị;

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tiệp Kiểm sát viên,

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2020/QĐSXST – HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020.

Nguyên đơn: **Chị Phùng Thị Tr**, sinh năm 1998 (có mặt);

Địa chỉ: Xóm D, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: Ông Lã Thành C – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt);

Bị đơn: **Anh Phùng Văn Ch**, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm D, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2020 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Phùng Thị Tr trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 15/8/2016, chị và anh Phùng Văn Ch đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở với gia đình nhà anh Ch một thời gian, sau đó vợ chồng về ở cùng gia đình nhà chị tại xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Hai bên chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên anh Ch bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại xã X. Nguyên nhân chính là do anh Ch không chịu làm ăn, thường xuyên bỏ bê gia đình.

Vợ chồng chị đã ly thân, hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, cho chị xin ly hôn với anh Ch.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 (một) con chung là cháu Phùng Mạnh C, sinh ngày 15/11/2016. Hiện nay cháu đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; chị không yêu cầu anh Ch phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về phía bị đơn anh Phùng Văn Ch: Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh Ch đều vắng mặt.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tại biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2020 đối với ông Phùng Văn V là bố đẻ anh Ch, ông V cho biết: Anh Ch, chị Tr có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên anh Ch không ở cùng chị Tr mà về ở cùng vợ chồng ông tại xã X. Anh Ch đi làm thuê lúc chỗ này, lúc chỗ khác ông không biết địa chỉ cụ thể của anh Ch. Ông đã báo cho anh Ch về việc Tòa án gửi thông báo và giấy báo cho anh về để giải quyết việc chị Tr xin ly hôn anh nhưng anh Ch không về. Nay chị Tr xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung của anh Ch, chị Tr, đề nghị Tòa án giao cháu cho gia đình ông nuôi dưỡng, chăm sóc; các vấn đề khác có liên quan đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3]. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Tr, cho chị Tr được ly hôn anh Phùng Văn Ch. Đề nghị, giao con chung cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

[4]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật;

Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Chị Tr và anh Ch kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tr và anh Ch là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr. Về con chung: đề nghị áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Phùng Mạnh C, sinh ngày 15/11/2016 cho chị Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Ch không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì chị Tr không yêu cầu. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, chị Tr phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Phùng Thị Tr có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cho chị ly hôn với anh Phùng Văn Ch. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Ch, tuy nhiên anh Ch cố ý vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây

là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Ch vắng mặt lần thứ hai không có lý do, tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Ch. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh Ch trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 15/8/2016, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Hiện anh, chị đã ly thân, không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Tr, anh Ch đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đại diện khu dân cư và chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị Tr và anh Ch theo quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị Tr đối với anh Ch là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị có 01 (một) con chung là cháu: Phùng Mạnh C, sinh ngày 15/6/2016. Khi ly hôn, chị Tr xin được nuôi cháu C và không yêu cầu anh Ch thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với yêu cầu này của chị Tr, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh Ch cố ý vắng mặt tại Tòa án, nên chưa có quan điểm về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C. Bên cạnh đó, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể nơi anh Ch, chị Tr cư trú đều thống nhất quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu C cho chị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Ông Phùng Văn V có đề nghị xin được nuôi cháu C. Tuy nhiên, Luật hôn nhân gia đình quy định khi ly hôn, cha hoặc mẹ đẻ phải là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung chưa thành niên trừ trường hợp cha mẹ bị hạn chế quyền đối với con. Trong vụ án này, anh Ch và chị Tr đều không thuộc trường hợp bị hạn chế quyền

của cha mẹ. Do đó, yêu cầu xin được nuôi cháu C của ông V không phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Căn cứ vào những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị Tr là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khi chị Tr, anh Ch có yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ch cố ý vắng mặt nên chưa có yêu cầu về những vấn đề này.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Do đó, khi chị Tr, anh Ch có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

2.4. Về án phí: Chị Tr là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2.5. Về quyền kháng cáo: Anh Ch và chị Tr có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

2.6. Đề nghị của Kiểm sát viên, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phùng Thị Tr được ly hôn với anh Phùng Văn Ch.

2. Về con chung: Giao cháu Phùng Mạnh C, sinh ngày 15/8/2016 cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Cường thành niên. Anh Ch không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Tr không yêu cầu.
Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phùng Thị Tr phải chịu 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Tr đã nộp là 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2018/0000985 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phùng Văn Ch có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.
6. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

